

CÔNG TY CP THAN CAO SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 215

ĐẾN Ngày: 16/12/2022

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

HỢP ĐỒNG

KHAI THÁC, SÀNG TUYỂN, CHẾ BIẾN THAN NĂM 2022

Số: 229/2022/HĐKD

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Lược luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-TKV ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 của Tập đoàn các công ty TKV (Tổ hợp công ty mẹ - Công ty con Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam);

Căn cứ Thỏa thuận chung ngày 29/12/2021 về thực hiện Kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022;

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại TP Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh, Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) là Công ty TNHH 1 TV do Nhà nước làm chủ sở hữu, được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than,... với mục tiêu phát triển công nghiệp than và các ngành, nghề khác một cách bền vững; đáp ứng nhu cầu than của nền kinh tế; hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà nước giao. Trong Hợp Đồng này TKV là **Bên A**.

Địa chỉ: Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại số: (84)024.5180141-(84)024.8510780, Fax (84)024.510724

Tài khoản số: 102010000011613 mở tại Ngân hàng công thương Hoàn Kiếm Hà Nội.

Mã số thuế doanh nghiệp: 5700100256

Đại diện là Ông: Đặng Thanh Hải. Chức vụ: Tổng giám đốc.

2. Công ty CP Than Cao Sơn - TKV là một công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam, chuyên ngành khai thác mỏ, tự nguyện nhận khai thác than giao cho Bên A trên cơ sở hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến than; trong Hợp Đồng này Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV được gọi là **Bên B**.

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.862337, Fax: 02033.863945

Mã số thuế doanh nghiệp: 5702053837

Tài khoản: 100 868 6868 mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Đại diện là Ông: Phạm Quốc Việt. Chức vụ: Giám đốc.

II. HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung

1.1. Bên B đồng ý nhận khai thác, sàng tuyển, chế biến than năm 2022 và giao cho Bên A với khối lượng, chất lượng, giá cả được quy định trong hợp đồng này và các văn bản hướng dẫn, quy định của TKV trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Trong trường hợp thị trường có biến động làm ảnh hưởng đến Kế hoạch phối hợp kinh doanh thì bên A sẽ cùng với bên B xem xét, điều chỉnh lại kế hoạch để phù hợp với nhu cầu của khách hàng theo kế hoạch điều hành sản xuất - tiêu thụ than hàng tháng của TKV giao. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 9 tháng và dự báo thực hiện cả năm của đơn vị và các văn bản chỉ đạo điều hành của TKV, hai bên thống nhất điều chỉnh một số chỉ tiêu KH PHKD, khoán chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

1.2. Bên B có trách nhiệm hoàn thành tiến độ cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các mỏ than, các công trình theo kế hoạch đầu tư phát triển và bảo vệ môi trường đảm bảo theo quy định của TKV và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giá mua bán than

2.1. Hai bên thỏa thuận và thống nhất rằng: Đối với sản phẩm giao nộp (mua bán) theo tiến độ, khối lượng và chất lượng trong Điều 1, Bên A thanh toán (trả) cho Bên B chi phí thực hiện các công đoạn sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, bao gồm cả lợi nhuận định mức kế hoạch.

2.2. Điều chỉnh giá:

- Căn cứ tình hình thực hiện, hai bên thống nhất điều chỉnh giá mua bán theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV ban hành, được áp dụng thống nhất trong Tập đoàn các công ty TKV và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Trường hợp Bên B được Bên A chi khuyến khích sản lượng, chất lượng than, Bên A thực hiện điều chỉnh giá mua than tương ứng số tiền khuyến khích sản lượng, chất lượng than Bên B được hưởng.

- Việc điều chỉnh giá được hai bên thống nhất bằng Phụ lục Hợp đồng đính kèm Hợp đồng này.

2.3. Bên B có trách nhiệm thực hiện chi phí thăm dò thuộc Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới các GPKT và thăm dò Khai thác, công tác trắc địa; chi phí môi trường; chi phí cấp cứu mỏ; đào tạo y tế được đã được tính toán giao khoán trong kế hoạch PHKD và các văn bản hướng dẫn của TKV.

Điều 3. Phương thức nghiệm thu sản phẩm và thanh toán

3.1. Sản phẩm được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã bốc dỡ lên phương tiện của khách hàng, phương tiện của Bên A tại cảng, nhà ga của Bên B do Bên A chỉ định; hoặc giao tại kho, bãi của Bên A và được Bên A (hoặc đơn vị được Bên A uỷ quyền) chấp nhận.

3.2. Sản phẩm giao nộp (mua bán) cho TKV (thông qua các công ty kho vận, NMT) phải có phiếu chứng nhận số lượng và chất lượng của Công ty giám định.

3.3. 6 tháng, 9 tháng và cả năm Bên A tổ chức kiểm tra, xác nhận tổng sản phẩm mà Bên B đã giao nộp và các chỉ tiêu khác như đã thống nhất trong các Phụ lục hợp đồng này.

3.4. Bên A thanh toán tiền than cho Bên B từ 7 đến 10 ngày một lần đối với than giao nhận cho Tập đoàn (thông qua các công ty kho vận, NMT) hoặc quy định điều chỉnh bổ sung (nếu có).

3.5. Kết thúc năm, căn cứ vào khối lượng sản phẩm giao nộp theo quy định và các chỉ tiêu theo hợp đồng đã ký, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền lợi của các bên

4.1. Bên A

4.1.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.1.1.1. Giao cho Bên B quản lý, sử dụng phân vốn của chủ sở hữu tại công ty để kinh doanh.

4.1.1.2. Về thị trường:

- Thống nhất quản lý thị trường tiêu thụ than của TKV ở trong và ngoài nước.

- Ủy quyền cho các công ty Kho vận và cảng, công ty Tuyển than của TKV nhận sản phẩm của Bên B giao theo tiến độ, khối lượng, chất lượng ghi trong Phụ lục hợp đồng để tiêu thụ và thanh toán tiền than cho Bên B theo thỏa thuận trong Điều 3.

4.1.1.3. Thống nhất quản lý, hỗ trợ về công nghệ, quản lý và điều hành của TKV, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công tác sau đây:

a. Tổ chức nghiên cứu và triển khai áp dụng công nghệ mới trong khai thác, chế biến than.

b. Nghiên cứu hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Hướng dẫn, ban hành các quy chế, quy trình, quy định, định mức KTKT và đơn giá áp dụng trong phạm vi toàn Tập đoàn.

c. Giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Bên B trong việc thẩm định các phương án sản xuất, chế biến than; trong các lĩnh vực đầu tư XD CB; an toàn lao động, quản lý lao động, tiền lương; công tác tổ chức cán bộ; công tác kế toán, tài chính và các công tác khác theo đúng Điều lệ TKV, quy chế, quy định hiện hành.

4.1.1.4. Hướng dẫn các công ty tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh thực hiện các cam kết trong các hợp đồng về giám định và cấp chứng thư khối lượng và chất lượng than do Bên B giao, cung ứng vật tư, hàng hoá, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ và chăm lo sức khỏe người lao động trong toàn Tập đoàn.

4.1.1.5. Các quyết định, văn bản hướng dẫn về điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp kinh doanh, giá bán sản phẩm, cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ, các văn bản hướng dẫn, quy định nội bộ có liên quan của Tổng giám đốc

TKV và/hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền đều được coi là phụ lục của Hợp đồng này.

4.1.2. Các quyền lợi:

4.1.2.1. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết toàn ngành về tài nguyên, vốn, lao động, công nghệ, thị trường nhằm đảm bảo tăng trưởng, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

4.1.1.2. Tăng cường tích lũy vốn, đầu tư phát triển sản xuất, ...

4.1.1.3. Tổng giám đốc TKV tự mình và/hoặc uỷ quyền cho các Phó Tổng giám đốc, các viên chức thuộc bộ máy quản lý điều hành của TKV kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng.

4.2. Bên B

4.2.1. Có các nghĩa vụ sau:

4.2.1.1. Bên B cam kết sử dụng mọi nguồn lực và các giải pháp quản lý trong phạm vi quyền hạn của mình được Pháp luật quy định để bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ đã được Bộ Tài nguyên - Môi trường cấp phép và được bên A giao, không để thất thoát than hoặc để khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than trái phép trong phạm vi ranh giới mỏ, kho, bến cảng được giao quản lý.

4.2.1.2. Tuân thủ quy phạm kỹ thuật, quy trình công nghệ, cải thiện điều kiện kỹ thuật, điều kiện làm việc cho người lao động; là chủ thể chịu trách nhiệm chính đảm bảo an toàn lao động, an toàn về máy móc thiết bị, an toàn về vốn, bảo vệ môi trường.

4.2.1.3. Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi đầu tư máy móc, thiết bị, chuẩn bị đủ nguồn nhân lực (không để thiếu thợ lò), ... để hoàn thành các chỉ tiêu đã cam kết tại Điều 1 và đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị. Chủ động đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất than trong khai thác và tăng giá trị than thu được sau chế biến so với năm trước.

4.2.1.4. Quản trị chặt chẽ khối lượng mỏ và chỉ tiêu công nghệ, chi phí theo Quy chế quản trị chi phí kinh doanh của TKV đã ban hành; chịu trách nhiệm về công tác khoán quản chi phí, giao và nghiệm thu chi phí khoán và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình; chịu trách nhiệm trước Tập đoàn, Pháp luật về số liệu do đơn vị thực hiện, báo cáo. Trường hợp, Bên B báo cáo không đúng số liệu thực tế thực hiện thì sẽ phải tự chịu trách nhiệm theo quy định của TKV, của Nhà nước và tự chịu các chi phí phát sinh tăng, giảm nếu có theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2.1.5. Đảm bảo các chế độ về ăn ca, ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại, thu nhập của người lao động và lợi nhuận không giảm so với kế hoạch.

4.2.1.6. Thực hiện đầy đủ các quy định về điều hành sản xuất, tiêu thụ (bao gồm cả cơ chế khuyến khích sản xuất-tiêu thụ than nếu có), chế độ báo cáo thống kê, các quy chế, quy định khác của TKV và Nhà nước đã ban hành. Duy trì tất cả các báo cáo và hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, và giữ an toàn tất cả các bản vẽ, tài liệu liên quan đến thực hiện Hợp Đồng này.

4.2.1.7. Cho phép tiếp cận và cung cấp các thông tin hợp lý cho Đại diện của Bên A cũng như tất cả các đại diện được uỷ quyền hợp lệ của các cơ quan

Nhà nước Trung Ương hay Địa phương, trong quá trình mà những cán bộ này tiến hành giám sát một cách hợp lý sản xuất kinh doanh của đơn vị.

4.2.1.8. Nộp thuế vào ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành.

4.2.2. Các quyền lợi:

4.2.2.1. Toàn quyền sử dụng tổng chi phí mà bên A thanh toán để chi trả theo yêu cầu sản xuất và theo chế độ quy định.

4.2.2.2. Chủ động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở thực hiện các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Điều 5. Thủ tục giải quyết các vướng mắc và trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng

5.1. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai bên (có biên bản ghi toàn bộ nội dung đó).

5.2. Trường hợp cần sửa đổi hợp đồng: khi cần thay đổi quy cách, chất lượng sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu người tiêu dùng, ...


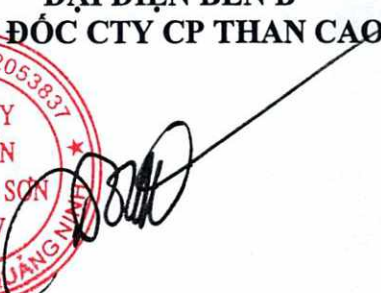
5.3. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ như đã thống nhất trong hợp đồng sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng và bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường cho bên kia những thiệt hại do vi phạm hợp đồng gây ra. Trong đó:

a. Trường hợp Bên B để xảy ra tình trạng khai thác than trái phép trong ranh giới mỏ và/hoặc để thất thoát than trong quá trình khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than thì: Bên B phải bồi thường cho Bên A toàn bộ giá trị sản phẩm bị thất thoát và các chi phí liên quan khác.

b. Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho mỗi lần vi phạm (thực hiện theo quy định tại Điều 301- Luật thương mại năm 2005).

Điều 6. Thời hạn có hiệu lực của hợp đồng

Hợp đồng có giá trị hiệu lực từ ngày 01/01/2022 và thực hiện trong năm 2022. Hợp đồng được lập thành 6 bản mỗi bên 03 bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC CTY CP THAN CAO SƠN



Phạm Quốc Việt

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC TKV



Đặng Thanh Hải

PHỤ LỤC SỐ 01
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2022
(Kèm theo Hợp đồng số: 229 /2022/HĐKD ngày 29/12/2021)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Quản trị tài nguyên			
	a - Bóc đất đá lộ thiên	1000m3	61 000	
	Trong đó: Đất CBSX	"	61 000	
	Đất XD CB	"		
	* Hệ số bóc đất đá CBSX	m3/tấn	11,09	
	b - Đào lò tổng số	m		
	Trong đó: Đào lò CBSX	"		
	Đào lò XD CB	"		
	* Hệ số đào lò CBSX	m/1000t		
	c - Tỷ lệ tổn thất tài nguyên khai thác			
	- Khai thác lộ thiên	%		
	- Khai thác hầm lò	"		
	b - Tỷ lệ thu hồi than sạch từ nguyên khai	%	90,55	
2	Sản phẩm chủ yếu			
2.1	Than nguyên khai	1000t	5 500	
	- Lộ thiên	"	5 500	
	- Hầm lò	"		
2.2	Than sạch sàng tại mỏ	1000t	1 896	
	- Than sạch từ nguyên khai	"	996	
	- Than sạch từ đất đá lẫn than	"	900	
2.3	Than tiêu thụ (giao cho Tập đoàn)	1000t	6 296	
a	Than giao cho các Công ty tuyển than	"	4 400	
	- Than sạch	"		
	- Than nguyên khai	"	4 130	
	- Giao nguyên khai Cty CB (giao tay ba)	"	270	
b	Than giao cho các Công ty kho vận, cảng	"	1 896	
	- Than sạch	"	1 896	
3	Doanh thu tổng số	tr.đồng	8 821 961	
3.1	Doanh thu sản xuất than	"	8 821 961	
3.2	Doanh thu sản xuất kinh doanh khác	"		
4	Lợi nhuận	tr.đồng	68 444	
	- Sản xuất than	"	68 444	
	- Sản xuất khác	"		
5	Tỷ lệ lợi nhuận/Vốn CSH	%	15,97	
6	Giá thành, giá bán			
	- Giá bán bình quân than quy sạch	đ/tấn	1553 162	
	- Giá thành bình quân than quy sạch	"	1541 112	
7	Lao động - Tiền lương			
7.1	Lao động định mức	người	3 948	
	Trong đó: Sản xuất than		3 948	
7.2	Tiền lương bình quân	1000đ/ng-thg	10 658	

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Công ty than Cao Sơn	
			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	Trong đó: Sản xuất than	„	10 658	
7.3	Đơn giá tiền lương			
	+ Sản xuất than [không b.gồm lương người q.lý]	đ/1000đ DT SXT	57,0	
8	Khấu hao tài sản			
	- Công ty trích khấu hao theo chế độ quy định			
	tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày			
	25/4/2013			

[Signature]

PHỤ LỤC SỐ 02:
KẾ HOẠCH GIAO THAN THEO CHỦNG LOẠI THAN,
THAN NGUYÊN KHAI CHO TẬP ĐOÀN NĂM 2022

ĐVT: 1000t

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
	Tổng số (1+2):	6 296
1	Than sạch giao cho các Cty kho vận	1 896
	- Cục 2a.4	
	- Cục 2b.2	
	- Cục 4a.2	3
	- Cục 4a.3	
	- Cục 4b.3	
	- Cục 5a.1	9
	- Cục 5b.1	
	- Cục 5b.2	
	- Cục xô 1a	18
	- Cục xô 1b	44
	- Cục xô 1c	
	- Cục 7c	5
	- Cục 8a	5
	- Cắm 1	20
	- Cắm 2	
	- Cắm 3b	110
	- Cắm 3c	127
	- Cắm 4a	385
	- Cắm 4b	
	- Cắm 5a	
	- Cắm 5b	
	- Cắm 6a	
	- Cắm 6b	480
	- Cắm 7a	120
	- Cắm 7b	470
	- Cắm 7c	
	- Cắm 8a	100
	- Cắm 8b	
	- Cắm 8c	
	- Bùn tuyển 3a	
	- Bùn tuyển 3b	
	- Bùn tuyển 4c	
2	Than giao các Cty TT	4 400
2.1	Than sạch	
2.2	Than nguyên khai NMT	2 865
	Đất đá (15%)	401
	- Than cục +15mm	77
	- Than cám 0-15 mm	2 258
	- Kẹp xít	129

TT	Chủng loại than	Công ty Cao Sơn
2.3	Than nguyên khai NMT (Khe Chàm)	1 265
	Đất đá (15%)	177
	- Than cục +15mm	34
	- Than cám 0-15 mm	997
	- Kẹp xít	57
2.4	Than NK giao Cty chế biến	270
	Đất đá (15%)	38
	- Than cục +15mm	7
	- Than cám 0-15 mm	213
	- Kẹp xít	12

g